

VĂN PHÒNG ĐKĐĐ TỈNH BÌNH PHƯỚC  
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKĐĐ  
THỊ XÃ CHƠN THÀNH

Số: 7216 /PCTTĐC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 19 tháng 4 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN  
ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục Thuế thị xã Chơn Thành

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT**

1.1. Tên người sử dụng đất:

**Ông: Nguyễn Văn Mộng** Sinh năm: 1985 CCCD số: 070085008619  
Địa chỉ thường trú: kp.Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**Bà: Võ Hồng Khanh** Sinh năm: 1986 CCCD số: 070186005901  
Địa chỉ thường trú: kp. Mỹ Hưng, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.2. Số điện thoại:

Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

**1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Chuyển mục đích sử dụng đất**

1.5. Biên nhận số: 000.00.70.H10-240410-0011.

**II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẦN LIỀN VỚI ĐẤT**

**2.1 Thông tin về đất**

2.1.1. Thửa đất số: 286 , Tờ bản đồ số: 28

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố Hiếu Cảm, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất (Căn cứ Bản đồ giá do Bộ phận đo đạc bản đồ cung cấp)

\* Khu vực: 1 (một)

**- Đất ở tại đô thị: Mật tiền đường**

<sup>74</sup> + Đường Hoàng Diệu (đường số 4, áp Hiếu Cảm). Đoạn từ Hết đất của ông La Xuân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 27) đến Hết đất của bà Tống Thị Vân (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 28)

+ Phạm vi: 2(hai): 100m<sup>2</sup>

**- Đất nông nghiệp:**

+ Trong phạm vi khu dân cư: Vị trí: 1(một)

+ Ngoài phạm vi khu dân cư:

2.1.4 Diện tích thửa đất: 833,7 m<sup>2</sup>

-Hình thức sử dụng: chung,

- Diện tích sử dụng: 833,7 m<sup>2</sup>,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 100m<sup>2</sup>

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m<sup>2</sup>

- Diện tích đất trong hạn mức: m<sup>2</sup>

- Diện tích đất ngoài hạn mức: 100 m<sup>2</sup>

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: 100m<sup>2</sup>

**2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển mục đích sử dụng đất**

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>; Đất trồng cây lâu năm: 733,7m<sup>2</sup>,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: Đất trồng cây lâu năm

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 15/10/2043,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

**2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:**

- Hình thức đang sử dụng;
- Hình thức sau khi chuyển:

**2.1.10. Giá đất:**

Căn cứ vào Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước; Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước; Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước; Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh Bình Phước;

- Giá đất cụ thể:
- Giá trung đấu giá:
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

**2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:**

- 2.2.1. Loại nhà ở, công trình: .....; cấp hạng nhà ở, công trình: .....
- 2.2.2. Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.3. Diện tích sàn xây dựng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.4. Diện tích sở hữu chung: .....m<sup>2</sup>; Diện tích sở hữu riêng: .....m<sup>2</sup>;
- 2.2.5. Kết cấu: .....; Số tầng nổi: .....; Số tầng hầm: .....
- 2.2.6. Nguồn gốc: .....
- 2.2.7. Năm hoàn công: .....năm
- 2.2.8. Thời hạn sở hữu đến: .....năm

**III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NGỌC, UU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT**

**3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển,**

- 3.1.1. Loại biến động:
- 3.1.2. Loại tài sản biến động:

**3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)**

- 3.2.1. Đôis tượng ghi nợ:
- 3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:

**3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính**

- 3.3.1. Đôis tượng miễn, giảm:
- 3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:

**3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:**

Tên của khoản được trừ:

**IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO**

- Cam kết không chọn thửa đất trong hạn mức đất ở; Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính;
- PC, Đơn, Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 16/4/2024

TN



Phạm Văn Nam

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ		KẾT QUẢ (Trước hạn/dùng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
1. Giao: 2. Nhận:	<u>08</u> giờ <u>00</u> phút, ngày <u>01</u> tháng <u>05</u> năm <u>2018</u>			
	Người giao 	Người nhận <u>Nguyễn Thị Mí</u> <u>Nguyễn Thị Thúy Nga</u>		
1. Giao: 2. Nhận:	<u>08</u> giờ <u>00</u> phút, ngày <u>01</u> tháng <u>05</u> năm <u>2018</u>	Người giao 	Người nhận <u>Nguyễn Thị Thúy Nga</u>	
1. Giao: 2. Nhận:	..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....			
	Người giao	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận:	..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....			
	Người giao	Người nhận		